

Số: /BC-SGTVT

Bình Định, ngày tháng 12 năm 2019

BÁO CÁO
Kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019
của Sở Giao thông vận tải

Theo Công văn số 1545/SNV-CCHC ngày 12/11/2019 của Sở Nội vụ về việc báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019; Sở Giao thông vận tải báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019 theo các nội dung sau:

I. CÔNG TÁC CHỈ ĐẠO, ĐIỀU HÀNH CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

Tổ chức quán triệt, triển khai thực hiện Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 225/QĐ-TTg ngày 04/02/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Kế hoạch cải cách hành chính nhà nước giai đoạn 2016-2020; Thông tư số 01/2018/TT-VPCP ngày 23/11/2018 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ hướng dẫn thi hành một số quy định của Nghị định số 61/2018/NĐ-CP ngày 23/4/2018 của Chính phủ về thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông trong giải quyết thủ tục hành chính; Quyết định số 536/QĐ-UBND ngày 24/02/2017 của UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch thực hiện Chương trình hành động của Tỉnh ủy thực hiện Nghị quyết Đại hội XII của Đảng và Nghị quyết Đại hội XIX Đảng bộ tỉnh về cải cách hành chính, trọng tâm là tiếp tục đẩy mạnh cải cách thủ tục hành chính, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức giai đoạn 2016-2020; Quyết định số 4846/QĐ-UBND ngày 28/12/2018 của Chủ tịch UBND tỉnh về ban hành Kế hoạch cải cách hành chính tỉnh Bình Định năm 2019 và Kế hoạch số 44/KH-SGTVT ngày 28/12/2018 của Sở Giao thông vận tải về Kế hoạch cải cách hành chính năm 2019 đến các phòng chuyên môn, đơn vị trực thuộc Sở, do đó đã giảm thời gian, chi phí, các khâu trung gian, các thủ tục hành chính được đơn giản hóa, niêm yết công khai tạo điều kiện thuận lợi cho tổ chức, cá nhân đến liên hệ công tác.

II. KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH

1. Ban hành, rà soát và tổ chức thực hiện văn bản quy phạm pháp luật

Các văn bản quy phạm pháp luật của Trung ương và địa phương được cập nhật thường xuyên tại Sở, quán triệt và tổ chức thực hiện đến các phòng, đơn vị trực thuộc theo đúng quy định hiện hành.

2. Cải cách thủ tục hành chính

Hiện tại các thủ tục hành chính (TTHC) của Sở Giao thông vận tải được thực hiện theo các quyết định của UBND tỉnh: số 2558/QĐ-UBND ngày 20/7/2016 của Chủ tịch UBND tỉnh công bố dưới hình thức “Bản sao y bản chính” các TTHC được chuẩn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải với 40 TTHC mới ban hành, 25 TTHC sửa đổi, bổ sung, 10 TTHC bãi bỏ và 02 TTHC thay thế; số 1174/QĐ-UBND ngày 04/4/2017 về việc công bố TTHC trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải với 01 TTHC mới ban hành và 01 TTHC sửa đổi, bổ sung; số 2145/QĐ-UBND ngày 16/6/2017 về việc công bố TTHC trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải với 07 TTHC sửa đổi; số 164/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 về việc công bố Danh mục TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Giao thông vận tải với 04 TTHC mới ban hành, 07 TTHC sửa đổi và 01 TTHC thay thế; số 1447/QĐ-UBND ngày 26/4/2019 về việc công bố Danh mục TTHC sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực đường bộ, TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải với 09 thủ tục sửa đổi và 03 thủ tục bãi bỏ; số 2572/QĐ-UBND ngày 26/7/2019 về việc công bố Danh mục TTHC sửa đổi trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải với 09 TTHC sửa đổi và số 3887/QĐ-UBND ngày 25/10/2019 về việc công bố Danh mục TTHC bị bãi bỏ trong lĩnh vực đường thủy nội địa thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải với 01 TTHC bị bãi bỏ.

Từ ngày 01/4/2019, việc giải quyết tất cả các TTHC thuộc phạm vi, chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải được thực hiện tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh. Hàng tuần, Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh thông báo kết quả tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết TTHC, đối với Sở Giao thông vận tải là một trong ít sở, ngành có số lượng giải quyết TTHC lớn nhưng không để xảy ra TTHC nào giải quyết và trả kết quả trễ hẹn; việc tiếp nhận và trả kết quả giải quyết TTHC của Sở Giao thông vận tải tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh được UBND tỉnh ghi nhận, đánh giá cao, bước đầu đem lại sự hài lòng của người dân và doanh nghiệp.

TTHC được thực hiện công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, đồng thời được niêm yết tại cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh tại địa chỉ www.binhdingh.gov.vn và trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải tại địa chỉ www.sgtvt.binhdingh.gov.vn.

Tình hình thực hiện cơ chế một cửa: *(kèm theo Phụ lục 1)*

3. Cải cách tổ chức bộ máy hành chính nhà nước

Thực hiện Quyết định số 883/QĐ-UBND ngày 20/3/2018 của UBND tỉnh về việc phê duyệt Đề án kiện toàn tổ chức bộ máy của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định; đồng thời thực hiện Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22/6/2015 và Quyết định số 76/2017/QĐ-UBND ngày 18/12/2017 của UBND tỉnh về việc ban hành Quy định về quy trình, trách nhiệm xây dựng, ban

hành văn bản quy phạm pháp luật trên địa bàn tỉnh Bình Định; Sở Giao thông vận tải đã tổ chức lấy ý kiến của các sở, ban, ngành trên địa bàn tỉnh đối với dự thảo Quyết định ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định. Tổng hợp ý kiến tham gia của các sở, ban, ngành đối với dự thảo quyết định, tham mưu UBND tỉnh ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định. Ngày 20/3/2019, UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giao thông vận tải tỉnh Bình Định.

Ban hành Quyết định quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức biên chế của các phòng thuộc Sở theo quy định tại Quyết định số 13/2019/QĐ-UBND ngày 20/3/2019 của UBND tỉnh.

Tiếp tục đổi mới phương thức lãnh đạo, lề lối làm việc của Sở Giao thông vận tải và thực hiện nghiêm túc quy chế công tác đã ban hành, tăng cường mối quan hệ phối hợp giữa các phòng, ban và các đơn vị trực thuộc Sở trong giải quyết công việc.

Về tổ chức bộ máy:

Nội dung	Năm trước	Năm báo cáo
1. Số phòng thuộc Sở	05	05
2. Số đơn vị sự nghiệp thuộc Sở	03	03

Trong công tác tiếp dân và thực hiện các công việc chuyên môn, mỗi công chức, viên chức đều nêu cao tinh thần trách nhiệm đối với công việc được giao, không gây khó khăn, phiền hà, sách nhiễu đối với tổ chức, cá nhân đến liên hệ công tác.

4. Xây dựng và nâng cao chất lượng đội ngũ công chức, viên chức

a) Thực hiện các quy định về quản lý cán bộ, công chức, viên chức:

- Về quản lý biên chế

Tổng số biên chế, lao động được giao			Tổng số biên chế, lao động hiện có		
Biên chế hành chính		Biên chế sự nghiệp	Biên chế hành chính		Biên chế sự nghiệp
Biên chế	HĐLĐ theo ND 68		Biên chế	HĐLĐ theo ND 68	
58	5	0	53	5	0

- Thực hiện các quy định quản lý công chức, viên chức

Nội dung	Năm trước	Năm báo cáo (số lượng)				
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng
Đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng thuộc Sở và tương đương						
Bổ nhiệm mới	0				01	01
Bổ nhiệm lại	01		02			02
Luân chuyển						
Từ chức						
Miễn nhiệm						
Kỷ luật						
Số lượng công chức, viên chức được tuyển dụng						
Công chức				05		05
Viên chức						

b) Công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức:

Nội dung	Năm trước	Năm báo cáo				
		Quý I	Quý II	Quý III	Quý IV	Tổng
1. Số lượt công chức hành chính						
Đào tạo từ trình độ thạc sỹ trở lên						
Đào tạo trình độ đại học						
Đào tạo ngắn hạn						
Lớp bồi dưỡng, tập huấn	59	01	05	42	9	57
2. Viên chức sự nghiệp						
Đào tạo từ trình độ thạc sỹ trở lên						
Đào tạo trình độ đại học						
Đào tạo ngắn hạn						
Lớp bồi dưỡng, tập huấn	33	04	03		12	19

5. Cải cách tài chính công

Sở Giao thông vận tải đã tổ chức triển khai thực hiện theo các nghị định của Chính phủ: số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước; số 117/2013/NĐ-CP ngày 07/10/2013 Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 130/2005/NĐ-CP ngày 17/10/2005 Quy định chế độ tự chủ, tự chịu trách nhiệm về sử dụng biên chế và kinh phí quản lý hành chính đối với các cơ quan nhà nước và số 141/2016/NĐ-CP ngày 10/10/2016 Quy định cơ chế tự chủ của đơn vị sự nghiệp công lập trong lĩnh vực sự nghiệp kinh tế và sự nghiệp khác, đã góp phần có hiệu quả đối với công tác cải cách tài chính công tại cơ quan Sở và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.

Thực hiện các Nghị định số: 130/2005/NĐ-CP và 117/2013/NĐ-CP		Thực hiện Nghị định số: 141/2016/NĐ-CP	
Đã thực hiện	Tổng số cơ quan hành chính	Tổng số đơn vị sự nghiệp công lập	Đã thực hiện
01	01	03	03

6. Hiện đại hóa hành chính

Công tác triển khai ứng dụng công nghệ thông tin vào hoạt động quản lý, điều hành của Sở Giao thông vận tải được triển khai đồng bộ và có hiệu quả, các phần mềm: Nova, VBMS (quản lý cầu), VPROMMS (quản lý đường), GovOne (quản lý, giám sát bảo trì đường bộ), quản lý giấy phép lái xe, quản lý học viên, quản lý cải tạo xe cơ giới, Misa, phần mềm bảo hiểm xã hội, phần mềm quản lý tiền lương, phần mềm dịch vụ công trực tuyến kho bạc ... được ứng dụng rộng rãi trong công tác chuyên môn của Ngành, góp phần tích cực vào việc hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch được giao.

Kể từ ngày 15/11/2019, Sở Giao thông vận tải tiếp nhận và giải quyết thủ tục hành chính cấp tỉnh thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Giao thông vận tải theo dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tại Cổng dịch vụ công tỉnh Bình Định với tổng cộng 17 thủ tục, trong đó: dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là 12 thủ tục (11 thủ tục trong lĩnh vực đường bộ và 01 thủ tục trong lĩnh vực đường thủy nội địa); dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là 15 thủ tục (đều thuộc lĩnh vực đường bộ).

Cơ sở hạ tầng thông tin của Sở đã được trang bị tương đối hoàn chỉnh, đảm bảo triển khai ứng dụng công nghệ thông tin trong hoạt động quản lý hành chính. Việc áp dụng hệ thống Văn phòng điện tử (idesk) tại Sở đã thể hiện được những tính năng ưu việt trong việc xử lý, lưu trữ và phục vụ công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Sở tới các phòng chuyên môn. Kết quả khai thác và sử dụng hệ thống idesk tại Sở đã có tác động rất tích cực trong việc rút ngắn thời gian chuyển, nhận văn bản, giảm thiểu chi phí trong phát hành văn bản giấy, từng bước nâng cao trình độ ứng dụng công nghệ thông tin của đội ngũ công

chức, viên chức, đồng thời hỗ trợ hiệu quả công tác chỉ đạo, điều hành của lãnh đạo Sở, tạo môi trường làm việc thân thiện và nâng cao hiệu quả quá trình cải cách thủ tục hành chính.

Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn TCVN 9001:2008 của Sở Giao thông vận tải đã được Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng cấp giấy chứng nhận phù hợp vào ngày 30/12/2011. Thực hiện Quyết định số 19/2014/QĐ-TTg ngày 05/3/2014 của Thủ tướng Chính phủ về việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN 9001:2008 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước, Sở Giao thông vận tải đã công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 theo Quyết định số 2436/QĐ-SGTVT ngày 01/10/2014. Hệ thống đang được ứng dụng có hiệu quả tại Sở Giao thông vận tải.

Thực hiện Quyết định số 1787/QĐ-UBND ngày 29/5/2018 của UBND tỉnh ban hành Kế hoạch chuyển đổi áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2008 sang Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh và hướng dẫn Sở Khoa học và Công nghệ áp dụng Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 cho các cơ quan hành chính nhà nước của tỉnh; Sở Giao thông vận tải sẽ thực hiện đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào ngày 10/12/2019 và hoàn thiện hồ sơ đề công bố Hệ thống quản lý chất lượng phù hợp theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Giao thông vận tải .

III. ĐÁNH GIÁ CHUNG

Công tác cải cách hành chính thực hiện tại Sở Giao thông vận tải trong thời gian qua đạt hiệu quả, các thủ tục hành chính được thực hiện theo đúng quy định hiện hành, được niêm yết công khai tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh, cổng thông tin điện tử của UBND tỉnh và trang thông tin điện tử của Sở Giao thông vận tải, tạo điều kiện tốt nhất cho tổ chức, cá nhân đến liên hệ công tác khi có nhu cầu. Công chức, viên chức thực hiện công tác cải cách hành chính đáp ứng được nhu cầu công việc, trình độ chuyên môn và tinh thần thái độ phục vụ Nhân dân, ý thức kỷ luật của công chức, viên chức ngày càng được nâng cao.

IV. NHIỆM VỤ CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2020

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác cải cách hành chính tại cơ quan Sở và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc.
- Triển khai thực hiện công tác rà soát thủ tục hành chính tại Sở Giao thông vận tải.
- Thực hiện công tác đào tạo, bồi dưỡng công chức, viên chức.

Trên đây là Báo cáo kết quả thực hiện công tác cải cách hành chính năm 2019 của Sở Giao thông vận tải, đề nghị Sở Nội vụ tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh theo quy định./.

Nơi nhận:

- Sở Nội vụ;
- Lãnh đạo Sở;
- Các phòng, đơn vị trực thuộc Sở;
- Lưu: VT, VP Sở.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Đặng Văn Ái

THỐNG KÊ SỐ LIỆU VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÔNG TÁC CẢI CÁCH HÀNH CHÍNH NĂM 2019

(Kèm theo Báo cáo số /BC-SGTVT ngày /12/2019 của Sở Giao thông vận tải)

1. Kết quả thực hiện cơ chế một cửa, một cửa liên thông

a) Số TTHC thuộc thẩm quyền giải quyết

Số TTHC đang có hiệu lực	Số TTHC đã được công bố (trong kỳ báo cáo)			Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa	Số TTHC được giải quyết theo cơ chế một cửa liên thông			Ghi chú
	Tổng số	Trong đó			Tổng số	Trong đó		
		Số TTHC được công bố đúng thời gian quy định	Số TTHC được công bố chậm so với thời gian quy định			Số TTHC liên thông ngang	Số TTHC liên thông dọc	
68	0	0	0	68	0	0	0	

b) Tình hình giải quyết hồ sơ

TT	Lĩnh vực	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết				
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		
1	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô	43		43	43	43						

TT	Lĩnh vực	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết				
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		
2	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô do thay đổi nội dung, hết hạn, bị mất hoặc hư hỏng	10		10	10	10						
3	Cấp, cấp lại phù hiệu xe taxi, xe hợp đồng, xe vận tải hàng hóa bằng công-ten-nơ, xe đầu kéo, xe kinh doanh vận tải hàng hóa, xe kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, xe kinh doanh vận tải bằng xe buýt, xe trung chuyển, xe nội bộ	2.594		2.594	2.582	2.582			12	12		
4	Đăng ký khai thác tuyến	48		48	46	46			02	02		
5	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận Việt-Lào cho phương tiện	359		359	359	359						
6	Cấp, cấp lại Giấy phép xe tập lái	234		234	232	232			02	02		

TT	Lĩnh vực	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết				
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		
7	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký, biển số xe máy chuyên dùng lần đầu	62		62	62	62						
8	Di chuyển đăng ký xe máy chuyên dùng ở khác tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương	08		08	08	08						
9	Sang tên chủ sở hữu xe máy chuyên dùng trong cùng một tỉnh, thành phố	02		02	02	02						
10	Cấp Giấy chứng nhận thẩm định thiết kế xe cơ giới cải tạo	40		40	39	39			01	01		
11	Cấp lại Giấy phép lái xe	3.412	192	3.220	3.062	3.062			350	350		
12	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Giao thông vận tải cấp	8.595	45	8.550	8.445	8.445			150	150		
13	Đổi Giấy phép lái xe quân sự do Bộ Quốc phòng cấp	14		14	14	14						
14	Đổi Giấy phép lái xe do ngành Công an cấp	08		08	08	08						

TT	Lĩnh vực	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú	
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết				
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn		
15	Đổi Giấy phép lái xe hoặc bằng lái xe của nước ngoài cấp	45		45	40	40			05	05		
16	Chấp thuận xây dựng công trình thiết yếu trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng giao thông đường bộ đối với quốc lộ đang khai thác	17		17	17	17						
17	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	47		47	47	47						
18	Thẩm định thiết kế xây dựng và dự toán công trình giao thông	89		89	84	84			05	05		
19	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	44		44	44	44						
20	Đăng ký lại phương	10		10	10	10						

TT	Lĩnh vực	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
	tiện thủy nội địa trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật										
21	Đăng ký lại phương tiện thủy nội địa trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	01		01	01	01					
22	Xóa đăng ký phương tiện thủy	02		02	02	02					
23	Cấp, cấp lại, chuyển đổi Giấy chứng nhận khả năng chuyên môn thuyền trưởng hạng ba, hạng tư, máy trưởng hạng ba và chứng chỉ nghiệp vụ (đối với địa phương chưa có cơ sở dạy nghề), chứng chỉ huấn luyện an toàn cơ bản thuộc thẩm quyền của Sở Giao thông vận	02		02	02	02					

TT	Lĩnh vực	Số hồ sơ đã tiếp nhận			Kết quả giải quyết						Ghi chú
		Tổng số	Trong đó		Số hồ sơ đã giải quyết			Số hồ sơ đang giải quyết			
			Số kỳ trước chuyển qua	Số mới tiếp nhận	Tổng số	Trả đúng hạn	Trả quá hạn	Tổng số	Chưa đến hạn	Quá hạn	
	tải										
Tổng cộng		15.686	237	15.449	15.159	15.159		527	527		

c) Tiếp nhận và trả kết quả TTHC qua dịch vụ bưu chính công ích (BCCI)

Số TTHC đăng ký TN&TKQ qua dịch vụ BCCI		Số hồ sơ đã tiếp nhận			Số hồ sơ đã trả kết quả			Ghi chú
Tổng số	Số TTHC có phát sinh hồ sơ qua dịch vụ BCCI	Tổng số	Trong đó		Tổng số	Trong đó		
			Số hồ sơ tiếp nhận tại nơi giải quyết	Số hồ sơ tiếp nhận qua dịch vụ BCCI		Số hồ sơ đã trả kết quả tại nơi giải quyết	Số hồ sơ đã trả kết quả qua dịch vụ BCCI	
01	01	16.770	15.449	1.321	18.664	15.159	3.505	

2. Về tổ chức bộ máy, biên chế hành chính

Số lượng phòng chuyên môn trực thuộc		Số lượng lãnh đạo cấp Sở/UBND cấp huyện		Số lượng lãnh đạo cấp phòng và tương đương		Số lượng biên chế hành chính		Thực hiện tinh giản biên chế		Ghi chú
Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Tổng số	Tăng (+)/giảm (-) so với kỳ báo cáo trước	Số lượng theo kế hoạch năm	Đã tinh giản	

		điện tử	cấp		nơi giải quyết TTHC	qua mạng	cấp		tại nơi giải quyết TTHC	qua mạng	
2.769		2.769	12	12.783	10.824	1.959	15	2.666	2.316	350	

6. Xây dựng, áp dụng hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia ISO 9001

TT	Nội dung	Số lượng	Ghi chú
1	Số TTHC áp dụng theo tiêu chuẩn ISO 9001	53/71	Hiện tại, Sở Giao thông vận tải xây dựng cơ bản xong Mô hình hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015. Ngày 10/12/2019, tiến hành đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng theo kế hoạch và hoàn thiện hồ sơ để công bố phù hợp hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 tại Sở Giao thông vận tải.

Theo Nghị định số 43/2011/NĐ-CP ngày 13/6/2011 của Chính phủ, Dịch vụ công trực tuyến có 4 mức độ.

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 là dịch vụ bảo đảm cung cấp đầy đủ các thông tin về thủ tục hành chính và các văn bản có liên quan quy định về thủ tục hành chính đó.

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 là dịch vụ công trực tuyến mức độ 1 và cho phép người sử dụng tải về các mẫu văn bản và khai báo để hoàn thiện hồ sơ theo yêu cầu. Hồ sơ sau khi hoàn thiện được gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 là dịch vụ công trực tuyến mức độ 2 và cho phép người sử dụng điền và gửi trực tuyến các mẫu văn bản đến cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ. Các giao dịch trong quá trình xử lý hồ sơ và cung cấp dịch vụ được thực hiện trên môi trường mạng. Việc thanh toán lệ phí (nếu có) và nhận kết quả được thực hiện trực tiếp tại cơ quan, tổ chức cung cấp dịch vụ.

Dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 là dịch vụ công trực tuyến mức độ 3 và cho phép người sử dụng thanh toán lệ phí (nếu có) được thực hiện trực tuyến. Việc trả kết quả có thể được thực hiện trực tuyến, gửi trực tiếp hoặc qua đường bưu điện đến người sử dụng.